

Số: 2300/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 06 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã Quyết Thắng,
xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc Hội khóa XIII;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc Hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1866/DANN-VnSAT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Danh mục các tiểu dự án đề xuất hỗ trợ cho các TCND/KTK thuộc dự án VnSAT Cần Thơ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ tại Tờ trình số 1802/TTr-SNN&PTNT ngày 08 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã Quyết Thắng, xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã Quyết Thắng, xã Thạnh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng thủy lợi cho các Tổ chức nông dân, Hợp tác xã Quyết Thắng, xã Thanh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ chủ động trong công tác bơm tưới tiêu phục vụ cho diện tích 600 ha sản xuất lúa của các hộ nông dân trong khu vực Tiểu dự án.

Kết hợp với công tác đào tạo, tập huấn và chuyển giao khoa học công nghệ giúp nông dân được tiếp cận, áp dụng biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững (3G3T, 1P5G) và liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ với doanh nghiệp, hợp tác xã và tăng thu nhập khoảng 30%.

Góp phần triển khai thực hiện dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững Việt Nam” trên địa bàn thành phố Cần Thơ; phục vụ thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo định hướng đổi mới phương thức canh tác bền vững và nâng cao chuỗi giá trị cho ngành hàng lúa gạo thành phố Cần Thơ và cả vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

a) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

- Loại công trình : Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Cấp công trình: cấp IV, các công trình thuộc tiểu dự án: cấp IV.
- Diện tích phục vụ: 600 ha.
- Tần suất thiết kế:
- + Tần suất tưới: $P = 75\%$.
- + Tần suất tiêu: $P = 10\%$.
- Hệ số tưới: 1,04 (l/s.ha)
- Hệ số tiêu: 6,84 (l/s.ha)

b) Quy mô đầu tư và thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình:

Cống kết hợp với trạm bơm điện bằng BTCT M250 đổ tại chỗ, bề rộng cống phân thành 02 khoang, bao gồm: khoang cống có kích thước tại cửa van $B \times H = 4,5 \times 3,4\text{m}$ (kết hợp làm bể xả) và khoang bơm có kích thước cửa van $B \times H = 1,7 \times 3,4\text{m}$, mỗi khoang bố trí 02 khe cửa ở phía sông và phía đồng để luân phiên phục vụ bơm tiêu hoặc ngược lại để bơm tưới; loại cửa van phẳng phân thành 02 đoạn, mỗi đoạn cao 1,7 m, khung sườn bằng thép, mặt bưng bằng tole, vận hành đóng mở bằng thủ công kết hợp Palăng điện, cầu trục sức nâng 3 tấn treo trên hệ thống khung công tác di động nâng hạ cửa van. Hạng mục công trình bao gồm:

- **Tổ hợp cống điều và trạm bơm điện số 1:** tại kênh C&D giáp kênh 600 phục vụ tưới tiêu cho diện tích: 300 ha

+ Thông số kỹ thuật của công:

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	THÔNG SỐ THIẾT KẾ
I	Thân công, tường biên	BTCT M250
1	Chiều dài thân công	12,4m
2	Chiều rộng bản đáy	Phần giữa, B=9,3m Phần tường quặt, B= 13,9m
3	Chiều rộng thông nước khoang cống	4,5m
4	Chiều rộng thông nước khoang bơm	1,7m
5	Cao trình ngưỡng cống	-1,1m
6	Chiều dày bản đáy	0,4m
7	Cao trình đỉnh tường biên, trụ pin	+2,7m
8	Chiều dày tường biên	0,3 ÷ 0,5m
9	Chiều dày tường quặt	0,3 m
10	Chiều cao tường quặt	từ ∇ +2,3 ÷ +1,3m
11	Bề rộng thông thủy đoạn tường quặt	6,7 ÷ 8,0m.
12	Tường sườn (LxHxt) m	(1,5 x 2,8 x 0,25) m
13	Khoảng cách giữa 2 tường sườn	1,75 m
II	Sân tiêu năng phía đồng, phía sông bằng rọ đá (2x1x0,3)m	
1	Cao trình mặt rọ đá	-1,1m
2	Chiều dài rọ đá	Phía đồng 8,0m, phía sông 8,0m
3	Chiều rộng đáy rọ đá	9,0m
4	Chiều dày rọ đá	0,3m
III	Tấm lát mái	
1	Mái dốc	M=1,5. Gia cố từ ∇ -1,1 ÷ +1,7m
2	Tấm lát mái rọ đá, dày 0,30 m, bên dưới có vải địa kỹ thuật	
IV	Xử lý nền	
1	Thân công, chân thảm đá	Đóng cừ tràm mật độ 25 cây/m ² , cừ dài >4,7m
2	Tường chắn đất	Đóng cừ tràm mật độ 20

		cây/m ² , cừ dài 3,0m
V	Cửa van	
1	Bể hút (BxH)m	(1,7x3,4)m
2	Bể xả (BxH)m	(4,5x3,4)m
VI	Giàn Van	
1	Kích thước BxHxL	7,3x8,8x4.4 m.
2	Tiết diện cột	(0,4x0,3)m
VI	Pa Lãng + cầu trục	
1	Pa Lãng điện	03 Tấn
2	Thép hình	I400x200x8x13 mm

+ Thông số kỹ thuật của máy bơm:

Q_{tk}	Số máy	H_{tk}	n	N_{đc}	D_{hút}	D_{xả}
<i>m³/h</i>	<i>Cái</i>	<i>m</i>	<i>V/ph</i>	<i>KW</i>	<i>mm</i>	<i>mm</i>
2300-2500	3	2-4	980	37	450	450

- **Tổ hợp cống điều và trạm bơm điện số 2:** tại kênh C&D giáp kênh Đồn Đông, phục vụ tưới tiêu cho diện tích: 300 ha

+ Thông số kỹ thuật của cống:

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	THÔNG SỐ THIẾT KẾ
I	Thân cống, tường biên	BTCT M250
1	Chiều dài thân cống	12,4m
2	Chiều rộng bản đáy	Phần giữa, B=9,3m Phần tường quặt, B= 14,9m
3	Chiều rộng thông nước khoang cống	4,5m
4	Chiều rộng thông nước khoang bơm	1,7m
5	Cao trình ngưỡng cống	-1,1m
6	Chiều dày bản đáy	0,4m
7	Cao trình đỉnh tường biên, trụ pin	+2,7m
8	Chiều dày tường biên	0,3 ÷ 0,5m
9	Chiều dày tường quặt	0,3 m
10	Chiều cao tường quặt	từ ∇ +2,3 ÷ +1,3m
11	Bề rộng thông thủy đoạn tường quặt	6,7 ÷ 8,0m.
12	Tường sườn (LxHxt) m	(1,5x2,8x0,25) m

13	Khoảng cách giữa 2 tường sườn	2,25 m
II	Sân tiêu năng phía đông, phía sông bằng rọ đá (2x1x0,3)m	
1	Cao trình mặt rọ đá	-1,1m
2	Chiều dài rọ đá	Phía đông 8,0m, phía sông 8,0m
3	Chiều rộng đáy rọ đá	9,0m
4	Chiều dày rọ đá	0,3m
III	Tấm lát mái	
1	Mái dốc	M=1,5. Gia cố từ $\nabla -1,1 \div +1,7\text{m}$
2	Tấm lát mái rọ đá, dày 0,30 m, bên dưới có vải địa kỹ thuật	
IV	Xử lý nền	
1	Thân cống, chân thấm đá	Đóng cừ tràm mật độ 25 cây/m ² , cừ dài >4,7m
2	Tường chắn đất	Đóng cừ tràm mật độ 20 cây/m ² , cừ dài 3,0m
V	Cửa van	
1	Bể hút (BxH)m	(1,7x3,4)m
2	Bể xả (BxH)m	(4,5x3,4)m
VI	Giàn Van	
1	Kích thước BxHxL	7,3x8,8x4,4 m.
2	Tiết diện cột	(0,4x0,3)m
VI	Pa Lãng + cầu trục	
1	Pa Lãng điện	03 Tấn
2	Thép hình	I400x200x8x13 mm

+ Thông số kỹ thuật của máy bơm:

Q_{tk}	Số máy	H_{tk}	n	N_{đc}	D_{hút}	D_{xả}
<i>m³/h</i>	<i>Cái</i>	<i>m</i>	<i>V/ph</i>	<i>KW</i>	<i>mm</i>	<i>mm</i>
2300-2500	3	2-4	980	37	450	450

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh - tế kỹ thuật: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phương Bắc và Công ty CP Đầu tư M.E

- 6. Chủ nhiệm dự án:** KS. Thái Hồng Giang.
- 7. Địa điểm xây dựng:** Xã Thanh Thắng, huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ.
- 8. Diện tích phục vụ:** Bơm tưới tiêu cho diện tích khoảng 600 ha.
- 9. Loại, cấp công trình:** Công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp IV.
- 10. Số bước thiết kế:** Thiết kế 01 bước.
- 11. Phương án xây dựng:**
- a) Kết cấu công kết hợp trạm bơm bao gồm:** Sòng bơm, bể xả, bể hút.
- Sòng bơm:**
- + Cao trình đặt sòng: +2.70.
 - + Kết cấu bằng BTCT M250,
- Bể xả:**
- + Cao trình đáy bể: -1.10
 - + Cao trình thành bể: +2.70
 - + Kết cấu bể bằng BTCT M250, đáy có chiều dày 40 cm, trụ giữa có chiều dày 30cm. Đáy bể xả được gia cố bằng lớp BT lót M100 dày 10cm. Nền bể xả được gia cố bằng cọc cừ tràm $L \geq 4.7m$, $P_{ngon} \geq 4,5cm$, mật độ 25cọc/m².
 - + Tường bên bể xả phía giáp đất được gia cố thêm tường sườn BTCT M250, dày 25cm.
- Bể hút:**
- + Cao trình đáy bể: -1.10.
 - + Cao trình thành bể: +2.70.
 - + Kết cấu bể bằng BTCT M250, đáy có chiều dày 40cm, trụ biên có chiều dày 30cm. Đáy bể hút được gia cố bằng lớp BT lót M100 dày 10cm. Nền bể hút được gia cố bằng cọc cừ tràm $L \geq 4.7m$, $P_{ngon} \geq 4,5cm$, mật độ 25 cọc/m².
- Tường ngoặt:**
- + Kết cấu bể bằng BTCT M250, đáy có chiều dày 40cm, tường có chiều dày 30cm, cao trình đỉnh tường +1.70-2.70; có bố trí sườn chống bằng BTCT M250 dày 25cm. Đáy tường ngoặt được gia cố bằng lớp BT lót M100 dày 10cm. Nền tường ngoặt được gia cố bằng cọc cừ tràm $L \geq 4.7m$, $P_{ngon} \geq 4,5cm$, mật độ 25 cọc/m².
- Kênh dẫn dòng:**
- + Nối tiếp cống và kênh cũ là kênh bằng thảm đá dày 30 cm bề rộng $B=9.0$ m; Cao trình đáy kênh: -1.10. mái kênh 1.5 và chiều cao $H= 2.8m$ và gia cố hàng cừ tràm $L \geq 4.7m$, $P_{ngon} \geq 4.5cm$ dày xen khít giữ thảm đá.
- Giàn van:**

+ Kích thước giàn van $L \times B \times H = 8.8.4 \times 7.3 \times 4.4$ m.

+ Cột giàn van kích thước cột: 30×40 cm.

- Cửa van:

+ Cửa van bể xả kích thước $B \times H = 4.50 \times 3.4$ m.

+ Cửa van bể hút kích thước $B \times H = 1.70 \times 3.4$ m.

+ Hình thức kết cấu cửa van:

. Cửa van phẳng trượt, trên mặt.

. Kết cấu: kết cấu hàn, gồm tôn bung, các dầm ngang chính là thép hình đặc chữ I,U ở giữa là các dầm phụ đứng dạng thép tấm.

. Biện pháp kín nước: Chắn nước cao su dạng củ tỏi P40, chắn nước đáy bằng cao su tấm.

+ Phương thức bố trí:

. Cao trình đáy cửa: -1.10 m

. Cao trình đỉnh trụ pin: +2.70 m

. Đường ray máy đóng mở cửa đặt tại cao trình: +7.10 m

- Các thông số kỹ thuật cơ bản:

+ Cao trình mực nước tính toán: +2.20 m

+ Cao trình mực nước min: +0.3 m

+ Cao trình ngưỡng cống: -1.10 m

+ Kích thước lỗ thoát cửa giữa: $B \times H = 4,5 \times 3,4$ m

+ Kích thước lỗ thoát cửa bên: $B \times H = 1,7 \times 3,4$ m

+ Hình thức kết cấu cửa van: cửa van phẳng, kiểu trượt. Hai tầng cửa chồng lên nhau.

+ Phương pháp liên kết: liên kết hàn, liên kết bulông.

+ Biện pháp chống rỉ: đánh gỉ, sơn 1 lớp epoxy chống rỉ và 1 lớp sơn màu.

+ Làm kín nước: Chắn nước đáy bằng cao su tấm, chắn nước đỉnh và biên bằng cao su hình chữ P. Để dễ dàng thay thế sử dụng liên kết giữa chắn nước với cửa bằng bulông.

+ Phương thức đóng mở: Các cửa được nâng hạ bởi cầu trục lăn.

+ Kết cấu cửa van:

. Các dầm ngang chính cửa van là thép hình U160 và I160.

. Chiều dày tôn bung $b = 6$ mm

. Dầm đứng là thép tấm $b = 8$ mm

. Cửa có 1 tai kéo cửa là bu lông $D=36$ mm

- . Cửa có 4 tấm trượt bằng thép không gỉ.
- . Cửa bố trí 4 cụm cữ là thép tấm $d=8\text{ mm}$

- Thông số kỹ thuật thiết bị nâng:

+ Cầu trục lần 1 dầm 1 móc 3 tấn được bố trí để nâng hạ vận chuyển các cửa van. Cầu trục này chạy trên 2 đường ray tại dầm nhà công tác cống trạm bơm.

+ Các thiết bị này phải đảm bảo an toàn tin cậy, tuân thủ các qui định hiện hành của Nhà nước, vận hành phải đáp ứng yêu cầu của công trình.

b) Phương án thi công:

- Thi công hạng mục cống:

- + Tập kết thiết bị, nhân lực thi công.
- + Bố trí mặt bằng thi công, công trình tạm phục vụ thi công.
- + Thi công dề quay và bơm nước hồ móng.
- + Thi công hồ móng đến cao trình thiết kế và gia cố hồ móng theo thiết kế.
- + Thi công đóng cọc tràm bản đáy cống, tường chắn đất.
- + Thi công bản đáy cống và tường biên
- + Thi công bản đáy và tường chắn đất
- + Thi công khe phai, khe cửa sản xuất cửa van và lắp đặt cửa van vào vị trí công trình.
- + Thi công trải vải địa kỹ thuật, thảm đá gia cố lòng dẫn thượng hạ lưu.
- + Đắp đất hai bên mang cống, lòng dẫn thượng hạ lưu.
- + Thi công hạng mục thân cống đến cao trình hoàn thiện.
- + Thi công cầu trục.
- + Đào thông luồng, phá bỏ dề quay hoàn trả mặt bằng hiện trạng.
- + Tháo dỡ công trình phụ hoàn trả mặt bằng.
- + Hoàn thiện nghiệm thu, bàn giao.

- Thi công hạng mục trạm bơm:

- + Bố trí, lắp đặt máy bơm theo đúng quy trình kỹ thuật.
- + Đấu nối đường dây điện trung thế đến trạm bơm để vận hành.

12. Diện tích sử dụng đất:

- Trạm bơm số 1: Khoảng $1.875,37\text{ m}^2$ (trong đó diện tích chiếm đất lòng kênh khoảng $746,16\text{ m}^2$).

- Trạm bơm số 2: Khoảng $1.893,93\text{ m}^2$ (trong đó diện tích chiếm đất lòng kênh khoảng $806,18\text{ m}^2$).

13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư sẽ do địa phương phối hợp cùng chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo

phương châm “Nhà nước nhân dân cùng làm”. Địa phương chịu trách nhiệm dọn dẹp cây cối, di dời các chướng ngại vật khác ra khỏi phạm vi mặt bằng công trình. Kinh phí thực hiện từ nguồn vốn đối ứng của Hợp tác xã Quyết Thắng.

14. Tổng mức đầu tư: 6.878.344.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	37.620.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	3.450.573.033 đồng;
- Chi phí thiết bị:	2.040.600.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	0 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	405.142.000 đồng;
- Chi phí khác:	318.027.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	626.382.186 đồng.

(Đính kèm Phụ lục 1)

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay Ngân hàng Thế giới IDA (hỗ trợ cho các hoạt động xây lắp, thiết bị công trình, bảo hiểm công trình, gồm cả dự phòng); vốn đối ứng ngân sách thành phố và vốn đóng góp của TCND/HTX (chi trả các dịch vụ tư vấn đầu tư, các khoản liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chi phí hoàn trả mặt bằng thi công, chi phí lán trại).

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện: Năm 2018-2020.

18. Các nội dung khác:

Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn *(đính kèm Phụ lục 2)*.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Giám đốc Ban quản lý dự án chuyên đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND TP (1AE);
- VP UBND TP (3D);
- Công TTĐT TPCT;
- Lưu: VT, NCH.

12194-1802

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Quang Hoài Nam

PHỤ LỤC 1

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TIỂU DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, THIẾT BỊ HTX QUYẾT THẮNG

(Kèm theo Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN	CƠ CẤU NGUỒN VỐN				GHI CHÚ
			IDA	Vốn đối ứng			
				Thành phố	TCND/HTX	Tổng cộng	
	Tỉ lệ góp vốn CSHT	100%	80%	17%	3%	20%	
	Giá trị nguồn vốn đầu tư CSHT	6.878.344.446	5.491.173.033	1.198.980.953	188.190.460	1.387.171.413	
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB	37.620.000			37.620.000		
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	3.450.573.033	3.450.573.033				
1	Cống kết hợp với trạm bơm thủy lợi kênh Ranh C&D số 1	1.278.700.311					
	Cơ khí trạm bơm kênh Ranh C&D số 1	422.847.098					
2	Cống kết hợp với trạm bơm thủy lợi kênh Ranh C&D số 2	1.326.178.527					
	Cơ khí trạm bơm kênh Ranh C&D số 2	422.847.098					
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	2.040.600.000	2.040.600.000				
1	Thiết bị trạm bơm 3 máy (2 trạm bơm)	2.040.600.000					
IV	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	-					
V	CHI PHÍ TƯ VẤN XÂY DỰNG	405.142.000					
1	Chi phí khảo sát địa hình	39.312.317		39.312.317			
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	227.938.593		227.938.593			

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN	CƠ CẤU NGUỒN VỐN				GHI CHÚ
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	7.825.900		7.825.900			
4	Chi phí thẩm tra dự toán	7.577.458		7.577.458			
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	12.456.569		12.456.569			
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thiết bị	5.734.086		5.734.086			
7	Chi phí giám sát thi công XD	89.645.887		89.645.887			
8	Chi phí giám sát thi công lắp đặt thiết bị	14.651.508		14.651.508			
VI	CHI PHÍ KHÁC	318.027.000					
1	Chi phí hạng mục chung						
1.1	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công	34.505.730			34.505.730		
1.2	Các khoản chi phí hạng mục chung không xác định được khối lượng thiết kế	69.011.461			69.011.461		
2	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (gói thầu thi công)	1.568.442		1.568.442			
3	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu (gói thầu thiết bị)	1.000.000		1.000.000			
4	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (gói thầu thi công)	1.568.442		1.568.442			
5	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (gói thầu thiết bị)	1.000.000		1.000.000			
6	Lệ phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	28.785.872		28.785.872			
7	Lệ phí kiểm toán	106.077.828		106.077.828			
8	Chi phí hoàn trả mặt bằng do bị ảnh hưởng khi thi công xây dựng	47.053.269			47.053.269		
9	Chi phí bảo hiểm công trình	27.455.865		27.455.865			

STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	THÀNH TIỀN	CƠ CẤU NGUỒN VỐN				GHI CHÚ
	Cộng dự toán (I-VI)	6.251.962.033					
VII	DỰ PHÒNG	626.382.186		626.382.186			
VIII	TỔNG CỘNG (I-VII)	6.878.344.446					
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ HTX QUYẾT THẮNG (LÀM TRÒN)	6.878.344.000	5.491.173.000	1.198.981.000	188.190.000		
	TỶ LỆ GÓP VỐN	100%	80%	17%	3%		

Bằng chữ: Sáu tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn đồng

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 2300/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Tiêu chuẩn về khảo sát

- TCXDVN 364 : 2006. Tiêu chuẩn đo đạc bằng công nghệ GPS.
- TCVN 8224-2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới không chế mặt bằng địa hình.
- TCVN 8225:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về lưới không chế cao độ địa hình.
- TCVN 8226:2009 Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về khảo sát mặt cắt và bình đồ địa hình các tỷ lệ từ 1/200 đến 1/5000.
- TCVN 8477-2010 Công trình Thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.
- TCVN 8478:2010 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.
- TCVN 9155:2012 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật khoan máy trong công tác khảo sát địa chất.

Tiêu chuẩn về thiết kế

❖ Tiêu chuẩn thiết kế về cơ khí

- TCVN 5575-2012. Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 8298-2009. Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật trong chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép.
- TCVN 8299-2009. Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế cửa van, khe van bằng thép.
- TCVN 8306-2009. Công trình thủy lợi – Kích thước các lỗ thoát nước có cửa van chắn nước.
- TCVN 8640 : 2011. Công trình thủy lợi – Máy đóng mở kiểu cáp – Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo, lắp đặt và nghiệm thu.
- TCVN 8790:2011-Son bảo vệ kết cấu thép-Quy trình thi công và nghiệm thu.
- 14 TCN 79-2004. Kết cấu thép và thiết bị cơ khí công trình thủy lợi-Son bảo vệ
- TCVN 6735-2000. Kiểm tra mối hàn bằng siêu âm.
- TCVN 4244-2005. Thiết bị nâng – Thiết kế, chế tạo và kiểm tra kỹ thuật.
- TCVN 5862-1995. Thiết bị nâng – Phân loại theo chế độ làm việc
- TCVN 5864-1995. Thiết bị nâng, cáp thép, tang, ròng rọc, xích, đĩa xích.
- TCVN 5108:1990 (ST SEV 1727:1986) Palăng điện-Yêu cầu chung về an toàn
- TCVN 1765-75. Thép các bon kết cấu thông thường
- TCVN 1766-75. Thép các bon kết cấu tốt
- TCVN 6522:2008 (ISO 4995:2001). Thép tấm kết cấu cán nóng.
- TCVN 5709:2009-Thép cacbon cán nóng dùng cho xây dựng-Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 7571:2006. Thép hình cán nóng-Kích thước, dung sai, đặc tính mặt cắt.
- TCVN 7573:2006. Thép tấm cán nóng liên tục-Dung sai kích thước và hình dạng.

❖ Tiêu chuẩn thiết kế về điện

- Nghị định số: 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 2 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.
- Tiêu chuẩn Quốc Gia: TCVN 9163 :2012: Công trình thủy lợi - Bản vẽ Cơ Điện - Yêu cầu về Nội Dung.
- Quy Chuẩn Kỹ thuật điện Quốc gia QCVN-2015/BCT
- Quy định kỹ thuật điện Nông thôn: QĐKT. ĐNT-2006
- Quyết định số 2363/QĐ-EVNSPC ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam “Quy định Tiêu chuẩn công tác lưới điện phân phối trên không của EVN SPC”
- Quyết định số: 2608/QĐ-EVNSPC ngày 03 tháng 09 năm 2015 của Tổng công ty Điện lực Miền Nam “Quy định Tiêu chuẩn vật tư thiết bị lưới điện trong Tổng công ty điện lực Miền Nam”
- Tiêu chuẩn thiết kế chống sét TCVN938:2012

❖ Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu

- TCVN 2737-95: tải trọng tác dụng
- TCXD 10304-2014: Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5574-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép –tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5575-2012: Kết cấu thép – tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9379-2012: Kết cấu xây dựng và nền – nguyên tắc cơ bản về tính toán.
- TCVN 9345-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – hướng dẫn kỹ thuật và phòng chống dưới tác động của khí hậu nóng ẩm.
- TCXD 9362-2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền, nhà và công trình.
- TCVN 9393-2012: Cọc-phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.
- TCVN 4252-2012: Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công.
- TCVN 4055-2012: Công trình xây dựng - tổ chức thi công
- TCVN 1450-2009: Gạch rỗng đất sét nung.
- TCVN 1451 : 1998, Gạch đặc đất sét nung;
- TCVN 6355-1: 2009, Gạch xây-xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan;
- TCVN 6355-2 : 2009, Gạch xây - Xác định cường độ nén;
- TCVN 6355-3 : 2009, Gạch xây - Xác định cường độ uốn;
- TCVN 6355-4 : 2009, Gạch xây - Xác định độ hút nước;
- TCVN 6355-5 : 2009, Gạch xây - Xác định khối lượng thể tích;
- TCVN 6355-6 : 2009, Gạch xây - Xác định độ rỗng;
- TCVN 6355-7 : 2009, Gạch xây - Xác định vết tróc do vôi.
- TCVN 6477: 2011, Gạch bê tông.

- TCVN 7959: 2011, Gạch bê tông nhẹ - Bê tông khí chưng áp.
- TCVN 9028: 2011, Vữa cho bê tông nhẹ.
- TCVN 9029: 2011, Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp – Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 9030: 2011, Bê tông nhẹ - Gạch bê tông bọt, khí không chưng áp – Phương pháp thử.
- TCVN 5718: 1993, Chống thấm công trình.
- TCVN 9377-1 :2012, TCVN 9377-2:2012, TCVN 9377-3:2012: Công tác hoàn thiện trong xây dựng - thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9115-2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép-Thi công và nghiệm thu.
- TCVN 9380:2012, Nhà cao tầng-kỹ thuật đo đạc phục vụ công tác thi công.
- TCVN 1651 – 2008: Về thép cốt bê tông cán nóng.

❖ Tiêu chuẩn thiết kế hạ tầng kỹ thuật

- QCVN 04-01: 2010/BNTPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư và báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi.
- QCVN 04-05: 2012/BNTPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Công trình thủy lợi – Các quy định chủ yếu về thiết kế.
- TCVN 4118: 2012 Công trình thủy lợi – Hệ thống tưới tiêu – Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 10406: 2015 Công trình thủy lợi - Tính toán hệ số tiêu thiết kế.
- TCVN 8302:2009 Quy hoạch phát triển thủy lợi - Quy định chủ yếu về thiết kế;
- TCVN 8216: 2009 Công trình thủy lợi - Thiết kế đập đất đầm nén;
- TCVN 8297: 2009 Công trình thủy lợi - Đập đất - Yêu cầu kỹ thuật thi công bằng phương pháp đầm nén;
- TCVN 2622–1995: Về phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình -yêu cầu thiết kế.
- TCVN 3254 – 1989 : An toàn cháy – yêu cầu chung.
- TCVN 3255 – 1986 : An toàn nổ – yêu cầu chung.
- TCVN 5176 – 1990 : Về chiếu sáng nhân tạo – phương pháp đo độ rọi.
- TCXD 16 – 1986: Về chiếu sáng nhân tạo trong công trình dân dụng.
- TCXD 29–1991: Về chiếu sáng tự nhiên trong công trình dân dụng – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 3743 – 1983 : Về chiếu sáng nhân tạo trong nhà công nghiệp và công trình công nghiệp.
- TCXDVN 259 – 2001 : Về tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường, đô thị.
- TCVN 3991 - 2012: Tiêu chuẩn phòng cháy trong thiết kế xây dựng.
- TCVN 9385 - 2012: Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

- Tiêu chuẩn Quốc gia “Đường giao thông nông thôn – Yêu cầu thiết kế” TCVN 10380 : 2014;
- Tiêu chuẩn ngành “Áo đường cứng đường ô tô – Tiêu chuẩn thiết kế” 22 TCN 223 – 95;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22 TCN 272 – 2005;
- Tiêu chuẩn ngành “Quy trình thiết kế cầu công theo trạng thái giới hạn (phần cống)” 22 TCN 18 – 79;
- Tiêu chuẩn xây dựng “Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế” TCXD 205 : 1998;
- Tiêu chuẩn Quốc gia “Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế” TCVN 5574 : 2012;
- Tiêu chuẩn Quốc gia “Cống hộp bê tông cốt thép” TCVN 9116 : 2012;
- Tiêu chuẩn ngành “Cống tròn bê tông cốt thép lắp ghép – Yêu cầu kỹ thuật” 22 TCN 159 – 1986;
- Quy trình đánh giá tác động môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế các công trình giao thông 22 TCN 242 – 98;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT được ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGTVT ngày 29/5/2012 của Bộ Giao thông Vận tải;
- Tham khảo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc ban hành “Hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020”;
- QCVN 04-02-2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thành phần, nội dung hồ sơ thiết kế kỹ thuật & thiết kế bản vẽ thi công công trình thủy lợi;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế: QCVN 04 - 05: 2012/BNNPTNT;
- TCVN 8478-2010: Công trình thủy lợi (CTTL) – Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- TCVN 4116-1985: Kết cấu BT & BTCT Thủy công- Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4253 - 2012: Công Trình Thủy Lợi - Nền các công trình thủy công – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4447-2012: Công tác đất- thi công và nghiệm thu;
- TCVN 1651-2008: Thép cốt bê tông;
- TCVN 4118: 2012 – Hệ thống tưới tiêu yêu cầu thiết;
- TCVN 9166 - 2012: Công trình thủy lợi – yêu cầu kỹ thuật thi công bằng biện pháp đầm nén nhẹ;
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Qui phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4453 : 1995;

- TCVN 8298 – 2009 Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật trong chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép;
- TCVN 8299 – 2009 Công trình thủy lợi – Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế Cửa van, khe van bằng thép;
- TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động - tiêu chuẩn thiết kế;
- Sổ tay kỹ thuật Thủy Lợi phần 2: Công trình thủy lợi tập 3 hệ thống tưới tiêu của nhà xuất bản Nông Nghiệp TP. Hồ Chí Minh 2011;
- Tiêu chuẩn về cách điện: TCVN-4759-1993 và TCVN-5851-1994;
- Tiêu chuẩn về cột BTLT: Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5847-1994;
- Tiêu chuẩn về MBA: TCVN 1984-1994;
- Tiêu chuẩn về Dao cách ly: TCVN 5768-1993;
- Tiêu chuẩn về mạ kẽm nhúng nóng: Tiêu chuẩn 18 TCN 04-92;
- Tiêu chuẩn về dây: TCVN 5064-1994;
- Tiêu chuẩn mạ kẽm nhúng nóng 18TCN-02-92.
- Qui phạm trang bị điện phần I, II, III, IV Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BCN ngày 11/07/2006 của Bộ Công nghiệp.
- Qui phạm thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối TCVN 4453-1995 ngày 13/06/1995 của Bộ Xây dựng.
- Nghị định số 14/2014NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.
- Quyết định số 2608/QĐ-EVN-SPC ngày 03/9/2015 của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc ban hành tiêu chuẩn vật tư thiết bị lưới điện trong Tổng Công ty Điện lực Miền Nam.
- Quyết định số 1179/QĐ-EVN ngày 25/12/2014 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành “Quy định nội dung và trình tự khảo sát phục vụ thiết kế lưới điện” áp dụng trong tập đoàn điện lực Quốc gia Việt Nam.